

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách huyện Vạn Ninh Quý 1 năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XII, kỳ họp thứ 5 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Vạn Ninh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Vạn Ninh Quý 1 năm 2022, gồm có 3 biểu đính kèm (Biểu số 93/CK-NSNN, biểu số 94/CK-NSNN, biểu số 95/CK-NSNN).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa;
- TT HĐND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy Vạn Ninh;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Các cơ quan đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Đăng tải Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, VP HĐND và UBND, Phòng TC-KH(TW)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đàm Ngọc Quang

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 1 NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 320 ngày 06 / 4 /2022 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021		Thực hiện Quý 1	So sánh ước thực hiện với (%)	
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	158.540	158.540	48.658	30,69	26,12
I	Thu cân đối NSNN	158.540	158.540	48.658	30,69	110,27
1	Thu nội địa	158.540	158.540	48.658	30,69	110,27
2	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					0,00
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	606.888	606.888	159.308	26,25	130,89
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	606.888	606.888	159.308	26,25	130,89
1	Chi đầu tư phát triển	115.104	109.104	44.935	41,19	246,02
2	Chi thường xuyên	479.984	485.984	114.373	23,53	110,56
3	Dự phòng ngân sách	11.800	11.800			
4	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL		0			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 320 ngày 06/4/2022 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022		Thực hiện quý 1/2022	So sánh ước thực hiện với (%)		
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Số cùng kỳ năm trước	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	158.540	158.540	48.658	30,69	33.983	100,93
I	Thu nội địa	158.540	158.540	48.658	30,69	33.983	100,93
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			135		165	81,82
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			-		-	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc	49.000	49.000	11.088	22,63	14.264	77,73
3.1	- Thuế giá trị gia tăng	38.120	38.120	8.602	22,57	10.939	78,64
3.2	- Thuế TNDN	5.900	5.900	1.299	22,02	1.484	87,53
3.3	- Thuế TTĐB	180	180	17	9,44	65	26,15
3.4	- Thuế tài nguyên	4.800	4.800	1.170	24,38	1.776	65,88
3.5	- Thuế môn bài	-	-				
3.6	- Thu khác	-	-				
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.950	10.950	8.125	74,20	3.596	225,95
5	Thuế bảo vệ môi trường		-				
6	Lệ phí trước bạ	15.500	15.500	7.337	47,34	5.010	146,45
7	Thu phí, lệ phí	6.120	6.120	2.240	36,60	2.443	91,69
7.1	- Trung ương	1.050	1.050	108		141	76,60
7.2	- Tỉnh	500	500	325	65,00	2.046	15,88
7.3	- Huyện	3.770	3.770	1.533	40,66		#DIV/0!
7.4	- Xã	800	800	274	34,25	256	107,03
8	Các khoản thu về nhà, đất	65.070	65.070	17.521	26,93	6.667	262,80
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70	70	13	18,57	2	
-	Thuế chuyển quyền sử dụng đất						
-	Thu tiền sử dụng đất	60.000	60.000	16.843	28,07	6.220	270,79
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.000	1.000	199	19,90	10	1990,00
-	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.000	4.000	466	11,65	435	107,13
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-				
10	Thu khác ngân sách	8.100	8.100	1.423	17,57	1.662	85,62
-	Cấp TW	3.000	3.000	430	14,33	611	70,38
-	Cấp tỉnh	1.500	1.500	131	8,73	248	
-	Cấp huyện	1.600	1.600	303	18,94	51	594,12
-	Cấp xã	2.000	2.000	559	27,95	752	

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022		Thực hiện quý 1/2022	So sánh ước thực hiện với (%)		
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Số cùng kỳ năm trước	Cùng kỳ năm trước
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	3.800	3.800	789		176	448,30
II	Thu viện trợ						
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	144.387	144.387	46.323	32,08	22.722	203,87
1	Từ các khoản thu phân chia	54.047	54.047	17.682	32,72	8.991	196,66
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	90.340	90.340	28.641	31,70	13.731	208,59

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 1 NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 320 ngày 06 / 4 / 2022 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Thực hiện quý 1/2022	So sánh ước thực hiện với (%)		
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm huyện	Số cùng kỳ năm trước	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/2	5	6
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	606.888	606.888	159.308	26,25	112.057	142,17
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	606.888	606.888	159.308	26,25	112.057	142,17
I	Chi đầu tư phát triển	115.104	109.104	44.935	41,19	8.255	544,34
II	Chi thường xuyên	479.984	485.984	114.373	23,53	103.802	110,18
	<i>Trong đó:</i>						
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	240.406	240.406	51.443	21,40	52.161	98,62
2	Chi khoa học và công nghệ						
3	Chi y tế, dân số và gia đình	5.056	5.056	5.497	108,72	4.446	
4	Chi văn hóa thông tin	3.517	3.517	959	27,27	802	119,58
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.129	1.129	85	7,53	184	46,20
6	Chi thể dục thể thao	618	618	129	20,87	57	226,32
7	Chi bảo vệ môi trường	2.000	4.182			702	
8	Chi hoạt động kinh tế	63.129	64.447	8.159	12,66	8.650	94,32
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	90.421	92.921	20.811	22,40	21.324	97,59
10	Chi bảo đảm xã hội	52.110	52.110	23.822	45,71	11.831	201,35
11	Chi trợ giá hàng chính sách						
12	Chi An ninh - Quốc phòng	18.671	18.671	2.540	13,60	2.791	91,01
13	Chi khác	2.927	2.927	928	31,70	854	108,67
III	Dự phòng ngân sách	11.800	11.800				
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương						
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN						
1	Chương trình mục tiêu quốc gia						
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư						
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên						